

Huế, ngày 29 tháng 04 năm 2020

## TỜ TRÌNH

V/v Các vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông  
nhiệm kỳ 2020 – 2025 thông qua

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2020 – 2025 Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực từ 01/07/2015;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế sửa đổi bổ sung lần thứ nhất thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 05 năm 2017;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn đầu tư tài chính Kế toán thuế, Kiểm toán COM.PT thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo tài chính ngày 12/03/2019;
- Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế kính trình Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2020 – 2025 thông qua các nội dung sau:

I. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2015 – 2019 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020 – 2025 của HĐQT;

II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2015 – 2019 và phương hướng nhiệm vụ 2020 – 2025 của Ban Tổng Giám đốc

a. Kết quả sản xuất kinh doanh 2019

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % (TH/KH)
1	Doanh thu	202.000.000	243.513.155	120,55
2	Lợi nhuận trước thuế	5.500.000	8.627.843	156,86
3	Lợi nhuận sau thuế	4.675.000	7.122.350	153,34
4	Nộp ngân sách	21.650.000	23.434.279	108,24

b. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	7.122.350.764
2	Quỹ Đầu tư phát triển bổ sung vốn Điều lệ ( 10% LNST)	712.235.076
3	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi ( 25% LNST) Trong đó:	1.778.115.688
	- Quỹ khen thưởng: 60%	1.066.868.808
	- Quỹ phúc lợi: 40%	711.245.872
4	Trả cổ tức năm 2019 ( 7,72%/VĐL) Trong đó:	4.632.000.000
	- 51% vốn Nhà nước	2.362.320.000
	- 49% vốn cổ đông	2.269.680.000

III. Nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch nhiệm kỳ 2020 – 2025 với những chỉ tiêu cơ bản sau đây:

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2025
Doanh thu	246.513.155	222.480.000	229.154.400	236.029.032	243.109.902	247.972.100
Lợi nhuận sau thuế	7.176.500	6.674.400	6.874.632	7.080.870	7.293.297	7.439.163
Thu nộp ngân sách	24.100.000	21.500.000	22.145.000	22.809.350	23.457.630	23.926.782
Cổ tức (%/VĐL)	7.8%/VĐL	7.5%	7.5%/VĐL	7.5%/VĐL	7.5%/VĐL	7.5%/VĐL
Hệ số bảo toàn vốn	H>1	H>1	H>1	H>1	H>1	(H>1)

IV. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán đã được trình bày trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2020 – 2025 xem xét thông qua

V. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2019 đã được trình bày trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2020 – 2025 xem xét thông qua

VI. Quỹ lương 2019 và quỹ lương năm 2020

1. Tổng quỹ lương năm 2019: 84.634.765 đồng ( Tám mươi tư tỷ, sáu trăm ba tư triệu, bảy trăm sáu lăm đồng; Trong đó

+ Đơn giá tiền lương thực hiện chi trả theo quy chế quản lý tài chính Công ty, như sau:

1.1. Đơn giá tiền lương chi trả Chủ tịch HĐQT; Ban TGD; KTT; Trưởng Ban Kiểm soát: 1,63/1000 đồng doanh thu giá trước thuế. Chi trả thực tế dựa vào hiệu quả kinh doanh, mức chi không được vượt quá 1,63/1000 đồng doanh thu

1.2. Đơn giá tiền lương kinh doanh khác, chi trả cho cán bộ quản lý văn phòng và cán bộ quản lý liên quan đến các đơn vị Xí nghiệp: 10,56/1000 đồng doanh thu kinh doanh khác. Chi trả thực tế dựa vào hiệu quả kinh doanh để xác định

1.3. Đơn giá tiền lương của bộ phận quản lý Văn phòng Công ty, tính 16% trên lương trực tiếp sản xuất. Chi trả thực tế dựa vào hiệu quả kinh doanh

1.4. Đơn giá tiền lương chi trả cho CBCNV và người lao động trong các Xí nghiệp, Bộ phận trực thuộc Công ty, dựa trên cơ sở hiệu quả hoạt động kinh doanh để xác định; năm 2019 đơn giá tiền lương thực hiện là: 332.429 đồng/1000 đồng doanh thu

## 2 Quỹ lương năm 2020:

2.1. Ủy quyền cho HĐQT quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

2.2. Đơn giá tiền lương năm 2020: Ủy quyền cho HĐQT quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

3. Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ hoạt động của Công ty và Quy chế quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty để thực hiện xác định đơn giá tiền lương chi trả cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tại Công ty, các Xí nghiệp trực thuộc và người lao động trong Công ty. Đồng thời điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 – 2025 ( tăng hoặc giảm) trong trường hợp biến động do yếu tố khách quan

## VII. Thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và phương án chi trả năm 2020

1. Thù lao đã chi trả năm 2019 là: 384.000.000 đồng

2. Dự kiến thù lao chi trả năm 2020: 384.000.000 đồng

VIII. Ủy quyền cho HĐQT Công ty chọn đơn vị Kiểm toán Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2020 theo đúng các tiêu chí Ban kiểm soát đã trình trước Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2020 - 2025

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần môi trường và Công trình Đô thị Huế kính trình Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2020 - 2025 thông qua các nội dung như đã trình bày tại phần trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



The stamp is red and circular, containing the text: 'M.S.D.N: 3300101082 - C.T.P', 'CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ', 'TP. HUẾ - TỈNH T. T. HUẾ'. A signature is written over the stamp.

NGUYỄN HỒNG SƠN